

# ERP

*ENTERPRISE RESOURCE PLANNING*

**KHÁI QUÁT & THỰC TRẠNG**

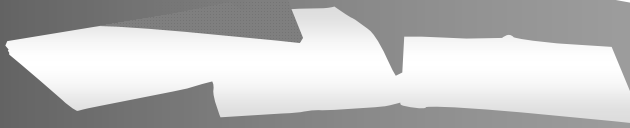
# ERP ENTERPRISE RESOURCE PLANNING



Chế Thị Mỹ Hạnh  
Bùi Quang Hải  
Nguyễn Thị Thúy Hoa  
Nguyễn Thị Hồng  
Huỳnh Thị Hương  
Bùi Thị Hường  
Nguyễn Thị Yến Linh

Lê Châu Xuân Mai  
Đỗ Tiểu Minh  
Phan Thị Mỹ  
Nguyễn Thị My  
Đào Nguyễn Nữ Vi Na  
Nguyễn Thị Ngân  
Nguyễn Thị Nghĩa

**NHÓM THỰC HIỆN**



# ERP *ENTERPRISE RESOURCE PLANNING*

**PHẦN 1**  
***TÌM HIỂU CHUNG***

**PHẦN 2**  
***XU HƯỚNG SỬ DỤNG  
ERP Ở CÁC DN***



**PHẦN 3**  
***THỰC TRẠNG Ở VIỆT NAM***

# TÌM HIỂU CHUNG

# ERP



\_Thuật ngữ liên quan đến mọi hoạt động của DN  
\_Do PM máy tính hỗ trợ & thực hiện một cách “tự động hoá”

→ Quản lý các hoạt động then chốt

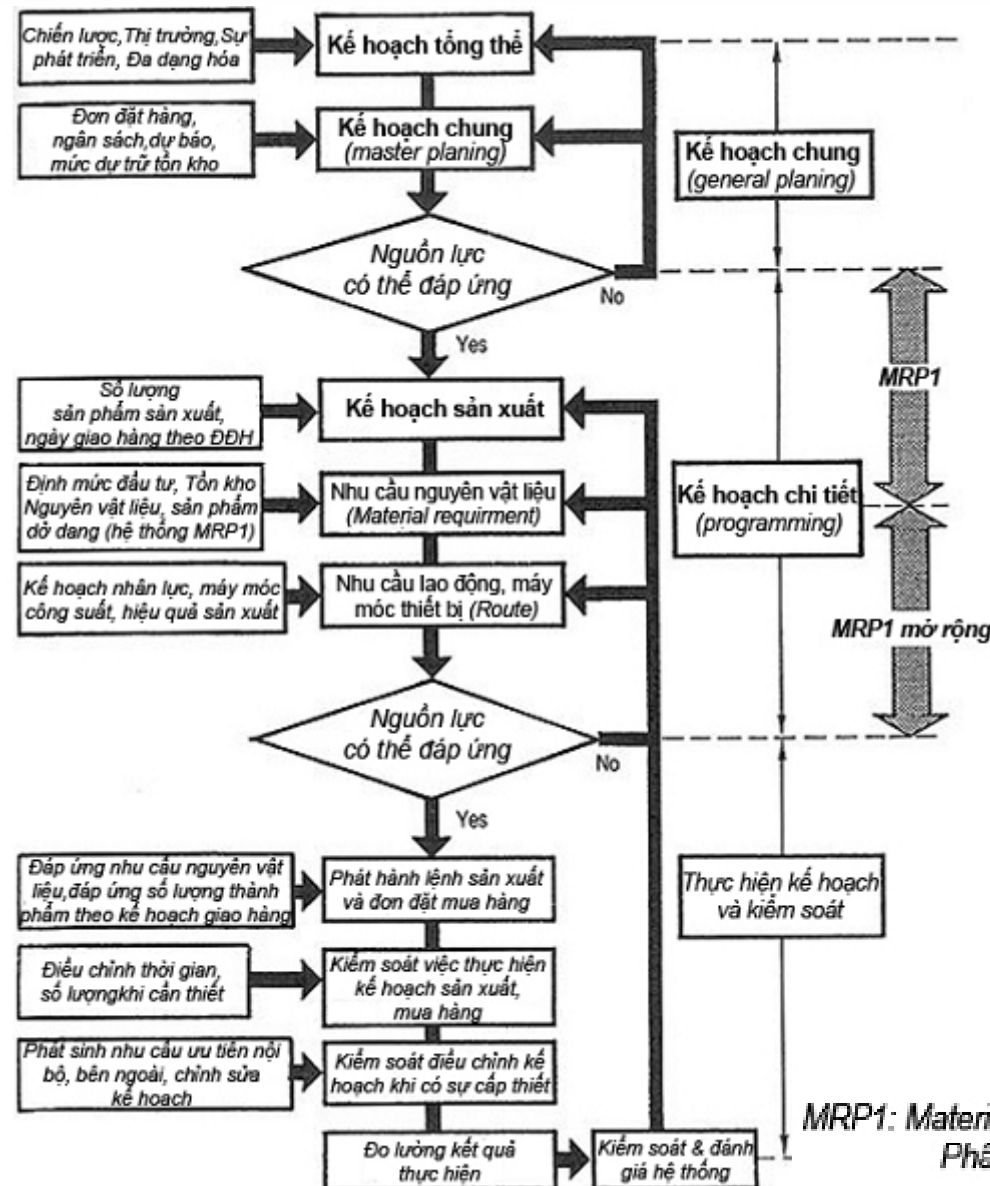
*hay*

\_PM cung cấp + tổng hợp số liệu của nhiều hoạt động riêng rẽ khác nhau

→ Đảm bảo nguồn lực thích hợp và đủ

# TÌM HIỂU CHUNG

# ERP



## Sơ đồ khái quát mô hình ERP

MRP1: Material Requirments Planning \_ Kế hoạch nhu cầu nguyên vật liệu  
Phân biệt với MRP2 Manufacturing Resource Planning

# TÌM HIỂU CHUNG

# ERP

\_ERP được thiết kế theo kiểu các **phân hệ**.

\_Những phân hệ chức năng chính được chia thích hợp với những hoạt động kinh doanh chuyên biệt



**Thành phần của ERP**

# TÌM HIỂU CHUNG

# ERP



**Phân hệ  
Sales Force Automation**

1. **FINANCIALS** (KT Tài Chính)
2. **PROCUREMENT** (QL Mua Hàng)
3. **LOGISTICS** (Cung Ứng)
4. **ORDER FULFILLMENT** (QL Bán Hàng)
5. **MANUFACTURING** (QL Sản Xuất)
6. **HUMAN RESOURCES** (QT Nhân Sự)
7. **PROJECT** (QL Dự Án)
8. **PLANNING & SCHEDULE**  
(Lên Kế Hoạch)
9. **BUSINESS INTELLIGENCE**  
(Báo Cáo Phân Tích)
10. **MAINTENANCE MANAGEMENT**  
(QL Bảo Dưỡng)